

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 04 - 2021

“V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp  
nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai

2. Ông Huỳnh Tấn Khoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Tường Vy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Ngày 16 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 170/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Bích L, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp ĐC, xã MH, huyện C, tỉnh An Giang; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp TT, xã MH, huyện C, tỉnh An Giang; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị Bích L trình bày:

- Bà Võ Thị Bích L và ông Trần Văn Đ tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2005, không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên giữa bà L và ông Đ không còn sống chung từ năm tháng 03/2020 cho đến nay. Nay bà Võ Thị Bích L yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc Tr, sinh ngày 03/12/2005 và Trần Văn N, sinh ngày 10/6/2009; khi ly hôn bà L và ông Đ thỏa thuận bà L nuôi con chung Trần Thị Ngọc Tr, ông Đ nuôi con chung Trần Văn N, bà L và ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn là ông Trần Văn Đ thống nhất với lời trình bày của bà Võ Thị Bích L về thời gian kết hôn, ông và bà L tự nguyện sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, ông Đ không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc Tr, sinh ngày 03/12/2005 hiện nay đang sống chung với bà L và Trần Văn N, sinh ngày 10/6/2009 đang sống chung với ông Đ, khi ly hôn bà L và ông Đ thỏa thuận bà L nuôi con chung Trần Thị Ngọc Tr, ông Đ nuôi con chung Trần Văn N, bà L và ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa bà Võ Thị Bích L vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Ông Trần Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Thị Bích L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Đ, và tranh chấp về con chung, nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn Đ với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã Mỹ Hiệp, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện C, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Bích L đi đến hôn nhân vào năm 2005, không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên cuộc sống chung không có hạnh phúc và vợ chồng không còn sống chung từ tháng 3/2020 cho đến nay, do hôn nhân của ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên được xem là hôn nhân không hợp pháp. Do đó căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà L và ông Đ là vợ chồng là phù hợp.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc Tr, sinh ngày 03/12/2005 hiện nay đang sống chung với bà L và Trần Văn N, sinh ngày 10/6/2009 đang sống chung với ông Đ, khi ly hôn bà L và ông Đ thỏa thuận bà L nuôi con chung Trần Thị Ngọc Tr, ông Đ nuôi con chung Trần Văn N, bà L và ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung, do đó, hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận nuôi con chung của bà L và ông Đ.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Võ Thị Bích L được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, Điều 227; 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 14; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Võ Thị Bích L và ông Trần Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc Tr, sinh ngày 03/12/2005 và Trần Văn N, sinh ngày 10/6/2009. Bà Võ Thị Bích L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Thị Ngọc Tr. Ông Trần Văn Đ được tiếp tục Trần Văn N, sinh ngày 10/6/2009.

3. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Võ Thị Bích L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006113 ngày 26/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Diệu**